

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với
người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào và Căm-pu-chi-a và Quyết định số 62/2015/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg ngày 14/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2014/TTLT-BLĐT BXH-BTC ngày 01 tháng 8 năm 2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào và Căm-pu-chi-a;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Công văn số 3422/SLĐT BXH-NCC ngày 11 tháng 10 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giải quyết trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào và Căm-pu-chi-a với các nội dung sau:

1. Trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào và Căm-pu-chi-a và thân nhân người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào và Căm-pu-chi-a đã từ trần:

Tổng số 18 người, trong đó:

- Đối với người hiện còn sống đủ điều kiện được hưởng trợ cấp một lần:

+ Số người: 14 người;

+ Số tiền: 291.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi một triệu đồng chẵn);

- Đối với thân nhân của người hưởng chính sách đã từ trần hưởng mức trợ cấp một lần:

+ Số người đã từ trần: 04 người;

+ Số tiền: 106.500.000 đồng (Một trăm lẻ sáu triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn);

Tổng kinh phí: 397.500.000 đồng (Ba trăm chín mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn)

(Chi tiết tại các phụ lục kèm theo)

2. Nguồn kinh phí: Do ngân sách Trung ương đảm bảo và giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2021 thực hiện Pháp lệnh ưu đãi Người có công với cách mạng tỉnh Thanh Hóa tại Mục II Quyết định số 1648/QĐ-LĐTBXH ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện phê duyệt số đối tượng và phân bổ dự toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính; hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức việc chi trả chế độ trợ cấp một lần cho các đối tượng theo đúng quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: Tổ chức thực hiện việc chi trả chế độ trợ cấp một lần, kịp thời, đúng đối tượng và định mức theo Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ Lao động - TBXH (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, VX.NCC92

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đầu Thanh Tùng

Phụ lục I: Tổng hợp thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào và Căm-pu-chi-a
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Đơn vị	Số người và kinh phí thực hiện chế độ do ngân sách Trung ương đảm nhận					
		Tổng số		Người hiện còn sống		Thân nhân người đã từ trần	
		Người	Kinh phí (đ)	Người	Kinh phí (đ)	Người	Kinh phí (đ)
<u>1</u>	<u>2</u>	<u>3</u>	<u>4</u>	<u>5</u>	<u>6</u>	<u>7</u>	<u>8</u>
1	Thành phố Thanh Hóa	5	99.000.000	3	27.000.000	2	72.000.000
2	Huyện Hà Trung	1	36.000.000	1	36.000.000		
3	Huyện Nga Sơn	2	36.000.000	2	36.000.000		
4	Huyện Triệu Sơn	2	51.000.000	1	36.000.000	1	15.000.000
5	Huyện Hoằng Hóa	2	51.000.000	2	51.000.000		
6	Huyện Thiệu Hóa	2	43.500.000	1	24.000.000	1	19.500.000
7	Huyện Yên Định	1	15.000.000	1	15.000.000		
8	Huyện Quảng Xương	3	66.000.000	3	66.000.000		
	Cộng	18	397.500.000	14	291.000.000	04	106.500.000

**Phụ lục II: Danh sách người hưởng trợ cấp một lần theo Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg
và Quyết định số 62/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Số TT	Họ và Tên	Năm sinh	Trú quán	Thời gian	Mức trợ cấp	Thân nhân	Mức trợ cấp	Quan hệ	Năm sinh
<u>1</u>	<u>2</u>	<u>3</u>	<u>4</u>	<u>5</u>	<u>6</u>	<u>7</u>	<u>8</u>	<u>9</u>	<u>10</u>
1	Thành phố Thanh Hóa								
1	Đàm Văn Thê	1960	P. Quảng Thịnh	03 năm 4 tháng	10.500.000				
2	Lê Thị Bào	1950	P. Đông Thọ	03 năm 4 tháng	10.500.000				
3	Đặng Thị Thủy	1962	P. Quảng Tâm	01 năm 9 tháng	6.000.000				
4	Nguyễn Khắc Ngoan	1946	P. Quảng Tâm	15 năm 5 tháng		Lê Thị Thử	36.000.000	Vợ	1951
5	Trần Ngọc Ván	1954	P. Nam Ngạn	15 năm 3 tháng		Nguyễn Thị Thoa	36.000.000	Vợ	1963
	Cộng				27.000.000		72.000.000		
2	Huyện Hà Trung								
1	Nguyễn Văn Hợi	1940	Xã Hà Thanh	17 năm 6 tháng	36.000.000				
	Cộng				36.000.000				
3	Huyện Nga Sơn								
1	Phạm Thị Thao	1955	Xã Nga Bạch	04 năm 7 tháng	15.000.000				
2	Hoàng Ngọc Thành	1952	Xã Nga Bạch	06 năm 7 tháng	21.000.000				
	Cộng				36.000.000				
4	Huyện Triệu Sơn								
1	Mai Văn Sao	1955	Xã Dân Quyền	11 năm 7 tháng	36.000.000				

Số TT	Họ và Tên	Năm sinh	Trú quán	Thời gian	Mức trợ cấp	Thân nhân	Mức trợ cấp	Quan hệ	Năm sinh
<u>1</u>	<u>2</u>	<u>3</u>	<u>4</u>	<u>5</u>	<u>6</u>	<u>7</u>	<u>8</u>	<u>9</u>	<u>10</u>
2	Lê Văn Trông	1953	Xã Nông Trường	04 năm 8 tháng		Hồ Thị Hồng	15.000.000	Vợ	1953
	Cộng				36.000.000		15.000.000		
5	Huyện Hoàng Hóa								
1	Lê Sỹ Sơn	1958	Xã Hoàng Thịnh	06 năm 01 tháng	19.500.000				
2	Lê Xuân Ấy	1950	Xã Hoàng Phụ	10 năm 02 tháng	31.500.000				
	Cộng				51.000.000				
6	Huyện Thiệu Hóa								
1	Lê Duy Chi	1949	Xã Thiệu Giao	07 năm 11 tháng	24.000.000				
2	Nguyễn Văn Biểu	1952	Xã Thiệu Phú	06 năm 3 tháng		Lê Thị Hằng	19.500.000	Vợ	1955
	Cộng				24.000.000		19.500.000		
7	Huyện Yên Định								
1	Trịnh Thị Tơ	1945	Xã Yên Thọ	05 năm	15.000.000				
	Cộng								
8	Huyện Quảng Xương								
1	Phạm Văn Thảng	1948	Xã Quảng Trường	07 năm 10 tháng	24.000.000				
2	Đỗ Văn Vàng	1950	Xã Quảng Trường	08 năm 10 tháng	27.000.000				
3	Bùi Văn Nguyên	1963	Xã Quảng Lưu	04 năm 6 tháng	15.000.000				
	Cộng				66.000.000				